

Số: 790 /TB-TMB

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước( UBCKNN)  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (VSD)**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC -  
VINACOMIN

Mã chứng khoán: TMB

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận  
Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38642793

Fax: 024.38642792

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Minh Hải

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

- Thời gian tiến hành Đại hội: từ 8h30' đến 11h30', thứ tư, ngày 05 tháng 6 năm 2019.
- Địa điểm tiến hành Đại hội: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số lượng cổ đông tham gia Đại hội: 26 người
- Tổng số cổ phần của các cổ đông sở hữu và đại diện tham gia đại hội: 8.544.640 cổ phần, bằng 85,44% tổng số cổ phần của Công ty.
- Nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:  
Các nội dung cụ thể được Công ty thông báo trên Website:  
<http://thanmienbac.vn>

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 9h ngày 6/6/2019 tại đường dẫn: <http://thanmienbac.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- SGDK TP Hà Nội;
- HĐQT, BKS( Báo cáo)
- TGD, PTGD( Báo cáo)
- Trang web:<http://thanmienbac.vn>
- Lưu VT, Thư ký Cty.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Minh Hải*

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

Hôm nay, ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin, số 5 Phan Đình Giót - Thanh Xuân - Hà Nội, Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Về dự Đại hội có 26 cổ đông, đại diện cho 8.544.640 cổ phần chiếm 85,45% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (tỷ lệ tham dự Đại hội đã hội đủ điều kiện để tiến hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 theo quy định tại khoản 1 điều 18 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hiện hành).

*(Có danh sách các cổ đông tham dự Đại hội kèm theo biên bản này)*

Các cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông do ông Nguyễn Đức Đoàn - Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông, trình bày trước Đại hội.

Chủ tọa điều hành Đại hội: Ông Lê Quang Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin.

Đại hội đã cử ông Lê Anh Tuấn - Chánh văn phòng Công ty làm Thư ký đại hội, giúp việc cho thư ký là ông Vũ Huy Phương - Thư ký Công ty.

Đại hội đã diễn ra theo trình tự và bao gồm những nội dung sau đây:

**1. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội:**

Đại hội đã nghe ông Lê Quang Bình – Chủ tọa điều hành Đại hội trình bày nội dung Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

**2. Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội:**

Đại hội đã nghe ông Lê Quang Bình – Chủ tọa điều hành Đại hội thông báo Chương trình nghị sự Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình nghị sự Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

**3. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc tổng kết hoạt động SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019:**

Đại hội đã nghe ông Ngô Quang Trung – Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2018 và Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2019.

Đại hội nhất trí thông qua kết quả SXKD trong năm 2018 với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % TH so KH
1	Sản lượng than mua	Tấn	3.065.000	3.667.586	119,66
2	Sản lượng than bán	Tấn	3.065.000	3.487.637	113,79
2.1	<i>Bán tự doanh</i>	<i>Tấn</i>		2.106.285	
2.2	<i>Chế biến bán TKV</i>	<i>Tấn</i>		1.381.352	
3	Doanh thu	Tỷ đồng	4.959,000	5.712,483	115,19
4	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	174,135	199,148	114,36
5	Lợi nhuận	Tỷ đồng	11.600	21,978	189,47
6	Lao động bình quân	Người	790	784	99,24
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng	7.592.000	8.721.301	114,87
8	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	12,634	11,503	91,04
9	Tỷ lệ trả cổ tức	%/Vốn ĐL	7,00	7,00	100,00

Kết quả này đã khẳng định sự phát triển ổn định của Công ty trong điều kiện năm 2018 có nhiều thay đổi và khó khăn, thách thức.

Đại hội nhất trí thông qua phương án SXKD năm 2019 của Công ty với một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Sản lượng than mua	Tấn	5.700.000
2	Sản lượng than bán	Tấn	4.967.000
2.1	<i>- Bán tự doanh</i>	<i>Tấn</i>	2.000.000
2.2	<i>- Chế biến bán TKV</i>	<i>Tấn</i>	2.967.000
3	Doanh thu	Tỷ đồng	6.480
4	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	197,24
5	Lợi nhuận	Tỷ đồng	20,45
6	Lao động bình quân	Người	749
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng	8.948.000
8	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	33,051
9	Tỷ lệ trả cổ tức	%/Vốn điều lệ	7,00

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

#### 4. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018, Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Ủy viên HĐQT Công ty, trình bày Báo cáo Tài chính năm 2018 và Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

\* Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 813.130.503.064 đồng

- Tổng nguồn vốn : 813.130.503.064 đồng

trong đó:

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 100.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)

+ Vốn khác của Chủ sở hữu : 60.089.131.309 đồng.

\* Đại hội thống nhất Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, cụ thể:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 còn lại chưa phân phối	314.230.732
2	Lợi nhuận trước thuế (lợi nhuận kế toán)	21.978.046.031
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	8.632.829.446
4	Lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN	13.345.216.585
5	Tổng lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN	13.659.447.317
6	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (7% vốn điều lệ)	7.000.000.000
7	Phần lợi nhuận còn lại phân phối tiếp	6.659.447.317
6	Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%)	1.997.834.195
7	Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý (Bằng 1,5 lần tháng lương viên chức quản lý chuyên trách năm 2018)	217.500.000
8	Phần lợi nhuận còn lại phân phối tiếp vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	4.444.113.122
9	- Trích Quỹ khen thưởng (30%) - Quỹ phúc lợi (70%)	1.333.233.937 3.110.879.185

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%

#### 5. Thông qua Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2018; Phương án tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2019:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Ủy viên HĐQT Công ty trình bày Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018; Phương án tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019. Chi tiết như sau:

\* Thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2018:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018 ngày 24/4/2018, mức thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty hàng tháng được tính bằng 20% mức lương cơ bản đối với người quản lý hoạt động kiêm nhiệm.

Tiền thù lao cho HĐQT, ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2018:

Stt	Chức danh	Mức lương cơ bản	Mức thù lao hàng tháng (20% lương cơ bản)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	24.700.000 đồng	5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
3	Trưởng Ban Kiểm soát		Hưởng lương chuyên trách
4	Ủy viên BKS (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng
5	Thư ký Công ty (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2018 là: 391.920.000 đồng.

\* Phương án tiền thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019:

- Mức thù lao:

Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2019 được tính như năm 2018, cụ thể như sau:

Stt	Chức danh	Mức lương cơ bản	Mức thù lao hàng tháng (20% lương cơ bản)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	24.700.000 đồng	5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
3	Trưởng Ban Kiểm soát		Hưởng lương chuyên trách
4	Ủy viên BKS (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng
5	Thư ký Công ty (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng

- Phương thức chi trả:

Căn cứ Văn bản số 1402/TKV-TCNS ngày 03/04/2017 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn bổ sung một số nội dung về quản lý lao động và tiền lương của TKV, hàng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty được tạm ứng 80% mức tiền thù lao tháng, số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%

#### **6. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018, Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty:**

Đại hội đã nghe bà Đặng Thị Hải Hà - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát về giám sát hoạt động HĐQT và Tổng giám đốc Công ty trong năm 2018 và Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau khi kiểm toán của Công ty cần được chỉnh sửa cho phù hợp.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%.

### **7. Thông qua danh sách Công ty kiểm toán để ủy quyền cho HĐQT lựa chọn kiểm toán Công ty năm 2019.**

Đại hội đã nghe bà Đặng Thị Hải Hà – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình danh sách Công ty kiểm toán để ủy quyền cho HĐQT lựa chọn kiểm toán Công ty năm 2019:

Để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán cho Công ty năm 2019, HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong những Công ty kiểm toán sau trong danh sách mà Tập đoàn CN than – khoáng sản Việt Nam đã đề nghị tại văn bản số 6280/TKV-KSNB-KT ngày 22/12/2015 để thực hiện kiểm toán cho Công ty năm 2019:

1. Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%

### **8. Thông qua việc bầu cử thay thế thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022):**

Đại hội đã nghe ông Lê Quang Bình – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình thông qua việc bầu cử thay thế thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022).

Đại hội nhất trí thông qua:

- Chấp thuận đề ông Đoàn Hữu Thung thôi làm Người đại diện của TKV tham gia HĐQT Công ty và từ nhiệm Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty để nghỉ hưu theo quyết định kể từ ngày 01/6/2018.

- Chấp thuận kết quả bầu ông Ngô Quang Trung – Phó Trưởng ban KDT của TKV, Người đại diện của TKV tham gia HĐQT Công ty (2017-2022) và giữ chức vụ Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/6/2018.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%

- Ý kiến khác: 0%

### **9. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2018:**

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Ủy viên HĐQT Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT, Báo cáo kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty năm 2018.

Đại hội đánh giá tốt hoạt động của HĐQT năm 2018. HĐQT đã quản lý điều hành Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, của TKV và Điều lệ Công ty. Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, phù hợp với tình hình SXKD của đơn vị và đã tạo điều kiện cho bộ máy điều hành hoạt động thống nhất, hiệu quả. Mỗi thành viên HĐQT đều thực hiện tốt

chức trách được phân công. HĐQT đã nhận định đúng những khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đã có những quyết sách linh hoạt và kịp thời, huy động được các nguồn lực, phát huy thế mạnh, động viên toàn thể CBCNV-LĐ nên đã đưa Công ty hoạt động ổn định, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 trong điều kiện hết sức khó khăn.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

#### **10. Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Công ty**

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Ủy viên HĐQT Công ty trình bày Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%

#### **11. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty**

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Ủy viên HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Đại hội nhất trí thông qua:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh “Bán buôn quặng kim loại, bán buôn sắt, thép, bán buôn kim loại khác” – Mã ngành 4662.

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty sửa đổi Điều lệ Công ty và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.

#### **11. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2019 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.**

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Minh Hải - Ủy viên HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2019 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội

- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.

**12. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán**

Đại hội đã nghe ông Lê Quang Bình – Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

Các cổ đông còn lại (trừ cổ đông đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được ký kết hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

Kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội (trừ cổ đông đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam không tham gia biểu quyết).

- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.

**13. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:**

Đại hội đã nghe ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Bản dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin đã được tất cả các cổ đông tham dự nhất trí thông qua với kết quả biểu quyết:

- Đồng ý: 100% số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội
- Không đồng ý: 0%
- Ý kiến khác: 0%.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút ngày 05 tháng 6 năm 2019./.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Lê Anh Tuấn**

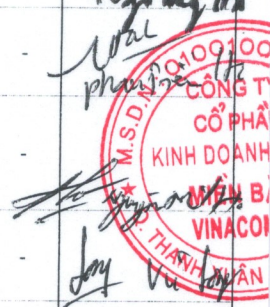
**CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI**

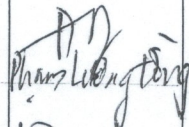
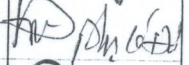
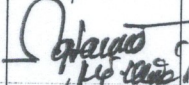
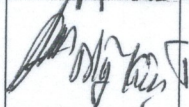
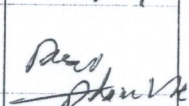
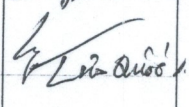
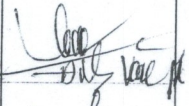
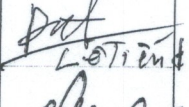
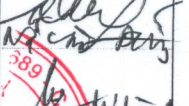



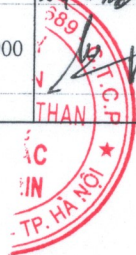
**Lê Quang Bình**

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN NĂM 2019

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được uỷ quyền	Ký xác nhận đi dự họp
	<b>Tổng cộng</b>			<b>85,45%</b>	<b>8.544.640</b>	<b>108.444</b>	<b>8.436.196</b>	
<b>I</b>	<b>Cổ đông là nhà nước (Cổ đông Pháp nhân)</b>			<b>67,44%</b>	<b>6.744.000</b>	<b>-</b>	<b>6.744.000</b>	
1	Lê Quang Bình- Đại diện Tập đoàn TKV	Số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	042064000024 cấp ngày 13/4/2015 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư.	67,44%	6.744.000		6.744.000	<i>lall</i>
<b>II</b>	<b>Cổ đông thể nhân</b>			<b>18,01%</b>	<b>1.800.640</b>	<b>108.444</b>	<b>1.692.196</b>	
2	Ngô Quang Trung	Hồng Gai, Hạ Long, QN	100622246 cấp ngày 29/06/2007 CA Quảng Ninh	0,37%	37.492	2.388	35.104	<i>Chu</i>
3	Phan Tiến Hải	Số 34, Nguyễn Du, Hai Bà Trung, Hà nội	011009341 cấp ngày 16/3/2004 CA Hà Nội	0,06%	5.972	5.972	-	<i>Nội kỳ tra</i>
4	Nguyễn Minh Hải	Phòng 306, tòa VP2, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	013055437 cấp ngày 19/3/2008 CA Hà Nội	0,08%	8.248	8.248	-	<i>phạm</i>
5	Vũ Hữu Long	Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh	100775732 cấp ngày 07/6/2006 CA Quảng Ninh	0,10%	10.000	10.000	-	<i>Long Vũ Hữu</i>
6	Nguyễn Đức Đoàn	103 Q3 Tân Mai - Hoàng Mai - TP Hà Nội	013165949 cấp ngày 20/03/2009 CA TP Hà Nội	0,04%	4.360	4.360	-	<i>Nguyễn Đức Đoàn</i>
7	Hoàng Minh Long	Khu 10, Cửa Ông, Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	100658549 cấp ngày 05/11/2009 CA Quảng Ninh	0,09%	8.708		8.708	<i>H</i>
8	Đỗ Nguyễn Trung	Số 6D, ngã 358/55/20, Bùi Xương Trạch, Hà Nội	013155865 cấp ngày 21/4/2009 CA TP Hà Nội	0,04%	3.752	3.752	-	<i>Đỗ Nguyễn Trung</i>
9	Lê Anh Tuấn	Số 8, Lý Đạo Thành, Hoàn Kiếm, Hà Nội	001062004618 cấp ngày 28/7/2015	0,04%	4.000	4.000	-	<i>Lê Anh Tuấn</i>
10	Phạm Ngọc Bảo	Số 47A, ngõ 121, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội	022067000017 cấp ngày 14/5/2015 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG	1,06%	105.712	5.016	100.696	<i>Phạm Ngọc Bảo</i>
11	Nguyễn Đức Vinh	Số 235, Mạc Thị Bưởi, TP Nam Định, Nam Định	162861211 cấp ngày 02/7/2008 CA Nam Định.	0,02%	2.000	2.000	-	<i>Nguyễn Đức Vinh</i>
12	Vũ Khắc Lân	Tổ 12 Khu 2b Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	038065000488 cấp ngày 03/06/2016 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG	0,06%	6.448		6.448	<i>Vũ Khắc Lân</i>
13	Nguyễn Anh Toán	Số 469B Lê Hoàn, Ngọc Trạo, tp Thanh Hóa, Thanh Hóa	171268999 cấp ngày 22/12/2005 CA Thanh Hóa	2,30%	229.968	3.584	226.384	<i>Nguyễn Anh Toán</i>
14	Nguyễn Văn Bình	Phường Tân Long, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	090508595 cấp ngày 21/7/2011 CA Thái Nguyên	1,20%	120.000		120.000	<i>Nguyễn Văn Bình</i>
15	Phạm Văn Hải	Số 51 Ngọc Xuân, p Thanh Bình, TP Ninh Bình, Ninh Bình	161412311 cấp ngày 25/6/2008 CA Ninh Bình	0,77%	77.024	4.300	72.724	<i>Phạm Văn Hải</i>



TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND	% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty	Tổng số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu của bản thân	Số cổ phần được uỷ quyền	Ký xác nhận đi dự họp
17	Phạm Lương Đồng	Kê Hôi, xã Hà Hôi, huyện Thường Tín, Hà Nội.	111473208 cấp ngày 19/4/1997 CA tỉnh Hà Tây	0,27%	26.644	15.176	11.468	
18	Phạm Khắc Đù	Số 30, ngách 152, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	013367112 cấp ngày 23/11/2010 CA Hà Nội	1,36%	135.968	1.600	134.368	
19	Nguyễn Khắc Lâm	Son Vy, Lâm Thao, Phú Thọ	131067298 cấp ngày 13/06/2008 CA Phú Thọ	2,08%	207.800	7.812	199.988	
20	Nguyễn KIỆN TOÀN	Số 78, tổ 25, p Hoàng Văn Thụ, tp Thái Nguyên, Thái Nguyên	164087836 cấp ngày 13/6/2012 CA Bắc Thái	1,00%	99.520	2.988	96.532	
21	Phạm Văn Hào	Tổ 3 khu 6B, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	100689943 cấp ngày 13/6/2007 CA Quảng Ninh	1,02%	101.544	4.060	97.484	
22	Lưu Quốc Anh	P2404 CC 165A Thái Hà, Phường Láng Hạ, Đống Đa	038076000112 cấp ngày 16/01/2015 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư.	0,77%	77.424	11.716	65.708	
23	Đình Văn Phú	Số 27 Lý Chiêu Hoàng, Phường Quê Hoa, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	125122518 cấp ngày 13/4/2012 CA tỉnh Bắc Ninh	2,74%	274.112	1.200	272.912	
24	Lê Tiến Đạt	Tổ 26 Khu 2B, Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh	100070803 cấp ngày 07/06/2011 CA tỉnh Quảng Ninh	0,46%	46.344	5.016	41.328	
25	Nguyễn Văn Dũng	Số 124 Trần Hưng Đạo, p Đội Cung, Tp Vinh, Nghệ An	1812644531 cấp ngày 01/10/2005 CA Nghệ An	1,90%	190.396	4.300	186.096	
26	Vũ Văn Mạnh	21 Bà Triệu, Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	034075007250 cấp ngày 20/3/014 Cục ĐKQLCT và DLQG về dân cư.	0,13%	12.900		12.900	



Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty ngày 05/6/2019;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc tổng kết hoạt động SXKD năm 2018, kế hoạch SXKD năm 2019 với các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Kết quả SXKD trong năm 2018:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
<b>1</b>	<b>Than mua vào</b>	<b>Tấn</b>	<b>3.065.000</b>	<b>3.667.586</b>	<b>119,66</b>
	Than mua của TKV	"		3.609.747	
	Than nhập khẩu	"		28.503	
	Than mua đvị khác	"		29.336	
<b>2</b>	<b>Than bán ra</b>	<b>"</b>	<b>3.065.000</b>	<b>3.487.637</b>	<b>113,79</b>
	Than tự doanh	"		2.106.285	
	Nội bộ các đơn vị trong TKV	"		3.210	
	Chế biến, tuyển rửa, pha trộn bán lại cho TKV	"		1.378.142	
<b>3</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>4.959.000</b>	<b>5.712.483</b>	<b>115,19</b>
	Doanh thu than	Tr.đồng	4.886.785	5.583.735	114,26
	Phí dịch vụ tiêu thụ than	Tr.đồng	7.200	13.586	188,69
	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	Tr.đồng	10.000	60.550	605,50
	Doanh thu kinh doanh khác	Tr.đồng	55.000	55.568	101,03
	Các khoản giảm trừ doanh thu			956	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
4	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	"	4.701.000	5.361.165	114,04
5	GTSX ( Lãi gộp )	"	258.000	351.318	136,17
6	GTSX tính lương( Trừ thuê ngoài)	"	174.135	199.148	114,36
7	<b>Thu nhập, Chi phí tài chính</b>	"			
7.1	Thu nhập tài chính	"		54.911	
	Thu Tài chính	"		98	
	Thu chiết khấu	"		54.813	
7.2	Chi phí tài chính	"		49.847	
	<i>Trong đó: Lãi tiền vay ngắn hạn.</i>	"		18.600	
	<i>Chiết khấu thanh toán cho khách hàng</i>			30.636	
	<i>Lãi chậm trả tiền than cho TKV</i>	"		611	
7.3	Lãi ( Lỗ ) từ hoạt động tài chính	"		5.064	
8	<b>Thu nhập, chi phí khác</b>	"			
8.1	Thu nhập khác	"		1.071	
	<i>Tiền phạt thu được</i>	"			
	<i>Các khoản khác</i>	"		1.071	
8.2	Chi phí khác	"		715	
	<i>GT còn lại của TSCĐ và CP TLý, nhượng bán TSCĐ</i>	"		131	
	<i>Các khoản khác</i>	"		584	
8.3	Lãi ( Lỗ ) từ hoạt động tài chính	"		356	
9	<b>Chi phí SXKD</b>	"	246.585	334.760	135,76
9.1	<b>Chi phí Trung gian</b>	"	147.205	223.347	151,73
	<i>Trong đó: CPhí V/C, BX bán hàng thuê ngoài</i>	"		152.170	
9.2	<b>Giá trị gia tăng ( GDP )</b>	"	99.380	111.413	112,11
	Khấu hao tài sản	"	15.000	11.014	73,43
	Quỹ tiền lương HT vào giá thành	Tr.đồng	71.974	82.050	114,00
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	Tr.đồng	70.814	80.310	113,4
	+ <i>Quỹ lương viên chức quản lý</i>	Tr.đồng	1.160	1.740	150,0
	Thù lao HĐQT, BKS	Tr.đồng	Theo CĐộ NN	470	
	Bảo hiểm XH, BHYT, TN, KPCĐ	Tr.đồng	7.406	8.852	119,52
	Chế độ ăn ca	Tr.đồng	Theo CĐộ NN	4.029	
	Thuế ( trong giá thành )	"	5.000	4.998	99,96
10	<b>Lợi nhuận</b>	"			
	Lợi nhuận trước thuế	"	11.600	21.978	189,47
	Các khoản chi phí loại trừ khi tính thuế TNDN			19.536	
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	"		8.633	
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	"		13.345	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
11	Nộp ngân sách	"	Theo CDộ NN	28.210	
12	Đơn giá tiền lương	Đ/1000đGTSX	407	404	
13	Lao động bình quân	Người	790	784	99,24
	Trong đó: lao động	Người	784	778	99,23
	VCQL	Người	6	6	100,00
14	Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng			
	Tiền lương BQ toàn DN	đ/ng/tháng	7.592.000	8.721.301	114,87
	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/tháng	7.508.000	8.622.536	114,84
	Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/tháng		24.167.000	
15	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	161.256	174.916	1,08
16	Vốn vay ngắn hạn	Tr.đồng	441.000	270.047	
17	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	Lần	3,0	3,65	
18	Hệ số lợi nhuận kế hoạch/ Vốn chủ sở hữu	%	7,19	13,6	171,9
19	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	12.634	11.503	91,04
20	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VDL	7,00	7,00	100,00

## 1.2. Kế hoạch SXKD năm 2019:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
1	Than mua vào	Tấn	5.700.000	
	Than mua của TKV	"	4.220.000	
	Than nhập khẩu	"	1.480.000	
2	Than bán ra	"	4.967.000	
	Than tự doanh	"	2.000.000	
	Chế biến, tuyển rửa, pha trộn bán lại TKV	"	2.967.000	
3	Doanh thu	Tr.đồng	6.480.000	
	Doanh thu than	Tr.đồng	6.378.000	
	Phí dịch vụ tiêu thụ than	Tr.đồng	7.000	
	Doanh thu dịch vụ lớn	Tr.đồng	40.000	
	Doanh thu kinh doanh khác	Tr.đồng	55.000	
4	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	"	6.102.383	
5	GTSX (Lãi gộp)	"	377.617	
6	GTSX tính lương (Trừ thuê ngoài)	"	197.242	
7	Chi phí SXKD	"	357.162	
7.1	Chi phí Trung gian	"	249.790	
	Trong đó: CP VC, BX bán hàng thuê ngoài	"	180.375	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP)	"	107.372	
	Khấu hao tài sản	"	12.705	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Quỹ tiền lương HT vào giá thành	Tr.đồng	81.067	
	+ <i>Quỹ lương người lao động</i>	<i>Tr.đồng</i>	78.686	
	+ <i>Quỹ lương viên chức quản lý</i>	<i>Tr.đồng</i>	2.381	
	Thù lao HĐQT, BKS	Tr.đồng		Theo chế độ N.nước
	Bảo hiểm XH, BHYT, TN, KPCĐ	Tr.đồng	9.300	
	Chế độ ăn ca	Tr.đồng		Theo chế độ N.nước
	Thuế ( trong giá thành )	"	4.300	
<b>8</b>	<b>Lợi nhuận</b>	"		
	Lợi nhuận trước thuế	"	<b>20.455</b>	
	Các khoản CP loại trừ khi tính thuế TNDN			
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	"	4.091	
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	"	16.364	
<b>9</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	"		Theo chế độ N.nước
<b>10</b>	<b>Đóng góp vào chi phí tập trung TKV</b>			
	Chi phí ĐT, Quỹ Chăm sóc sức khỏe, PHCN/GTSX Chế biến than	%	0,2	
	Chi phí cấp cứu mỏ của Tập đoàn/ GTSX Chế biến than	%	0,1	
	Chi phí thăm dò than – KS của Tập đoàn/ GTSX Chế biến than	%	1,5	
	Chi phí môi trường than – KS của TKV/ GTSX Chế biến than	%	1,0	
<b>11</b>	<b>Đơn giá tiền lương</b>	<b>Đ/1000đGTSX</b>	<b>399</b>	
<b>12</b>	<b>Lao động bình quân</b>	<b>Người</b>	<b>755</b>	
	Trong đó: Người lao động	Người	749	
	Viên chức quản lý	Người	6	
<b>13</b>	<b>Thu nhập bình quân</b>	<b>đ/ng/tháng</b>		
	Tiền lương BQ toàn DN	đ/ng/tháng	8.948.000	
	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/tháng	8.755.000	
	Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/tháng	33.063.000	
<b>14</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>163.253</b>	
<b>15</b>	<b>Vốn vay ngắn hạn</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>376.000</b>	
<b>16</b>	<b>Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH</b>	<b>Lần</b>	<b>3,0</b>	
<b>17</b>	<b>Hệ số lợi nhuận KH/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>%</b>	<b>20,5</b>	
<b>18</b>	<b>Đầu tư XDCB</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>33.051</b>	
<b>19</b>	<b>Tỷ lệ trả cổ tức</b>	<b>%/VĐL</b>	<b>7,00</b>	

**Trong đó:**

- Kế hoạch Đầu tư xây dựng chi tiết theo Thông báo số 6828/TKV-ĐT ngày 26/12/2018 của Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Giá trị sản xuất (GTSX) tính lương là GTSX không bao gồm GTSX vận chuyển, bốc xếp thuê ngoài.
- Vốn vay ngắn hạn, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu kế hoạch năm 2019 là phân tính cho than tự doanh, tương ứng với mức tồn kho than tự doanh là 200.000 tấn.
- Doanh thu khác kế hoạch năm 2019 bao gồm: Các sản phẩm ngoài than, bán buôn kim loại và quặng kim loại, vật liệu xây dựng...(các ngành nghề theo Điều lệ Công ty)

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018; Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018.

2.1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2018 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 813.130.503.064 đồng
- Tổng nguồn vốn : 813.130.503.064 đồng

trong đó:

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 100.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)
- + Vốn khác của Chủ sở hữu : 60.089.131.309 đồng.

2.2. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018, cụ thể:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 còn lại chưa phân phối	314.230.732
2	Lợi nhuận trước thuế (lợi nhuận kế toán)	21.978.046.031
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	8.632.829.446
4	Lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN	13.345.216.585
5	Tổng lợi nhuận còn lại sau thuế TNDN	13.659.447.317
6	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (7% vốn điều lệ)	7.000.000.000
7	Phần lợi nhuận còn lại phân phối tiếp	6.659.447.317
6	Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%)	1.997.834.195
7	Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý (Bằng 1,5 lần tháng lương viên chức quản lý chuyên trách năm 2018)	217.500.000
8	Phần lợi nhuận còn lại phân phối tiếp vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	4.444.113.122
9	- Trích Quỹ khen thưởng (30%) - Quỹ phúc lợi (70%)	1.333.233.937 3.110.879.185

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018; Phương án tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019.

3.1. Thông qua Thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018 ngày 24/4/2018, mức thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty hàng tháng được tính bằng 20% mức lương cơ bản đối với người quản lý hoạt động kiêm nhiệm.

Tiền thù lao cho HĐQT, ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2018:

Stt	Chức danh	Mức lương cơ bản	Mức thù lao hàng tháng (20% lương cơ bản)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	24.700.000 đồng	5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
3	Trưởng Ban Kiểm soát		Hưởng lương chuyên trách
4	Ủy viên BKS (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng
5	Thư ký Công ty (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2018 là: 391.920.000 đồng.

3.2. Thông qua Phương án tiền thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019:

- Mức thù lao:

Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2019 được tính như năm 2018, cụ thể như sau:

Stt	Chức danh	Mức lương cơ bản	Mức thù lao hàng tháng (20% lương cơ bản)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	24.700.000 đồng	5.140.000 đồng
2	Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000 đồng	4.380.000 đồng
3	Trưởng Ban Kiểm soát		Hưởng lương chuyên trách
4	Ủy viên BKS (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng
5	Thư ký Công ty (kiêm nhiệm)	20.000.000 đồng	4.000.000 đồng

- Phương thức chi trả: Căn cứ Văn bản số 1402/TKV-TCNS ngày 03/04/2017 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn bổ sung một số nội dung về quản lý lao động và tiền lương của TKV, hàng tháng các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty được tạm ứng 80% mức tiền thù lao tháng, số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018; Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau khi kiểm toán của Công ty cần được chỉnh sửa cho phù hợp.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018; Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

**Điều 5:** Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để uỷ quyền cho HĐQT lựa chọn kiểm toán Công ty năm 2019.

Đại hội đồng thống nhất uỷ quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong những

Công ty kiểm toán sau trong danh sách mà Tập đoàn CN than – khoáng sản Việt Nam đã đề nghị tại văn bản số 6280/TKV-KSNB-KT ngày 22/12/2015 để thực hiện kiểm toán cho Công ty năm 2019:

1. Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

**Điều 6:** Thông qua việc bầu cử thay thế thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ III (2017-2022)

Đại hội nhất trí thông qua:

- Chấp thuận đề ông Đoàn Hữu Thung thôi làm Người đại diện của TKV tham gia HĐQT Công ty và từ nhiệm Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty đề nghị hưu theo quyết định kể từ ngày 01/6/2018.

- Chấp thuận kết quả bầu ông Ngô Quang Trung – Phó Trưởng ban KDT của TKV, Người đại diện của TKV tham gia HĐQT Công ty (2017-2022) và giữ chức vụ Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/6/2018.

**Điều 7:** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2018.

Đại hội đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2018 là tốt. HĐQT đã quản lý, điều hành Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, của TKV và Điều lệ Công ty. HĐQT đã nhận định đúng những khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đã có những quyết sách kịp thời và linh hoạt, huy động được các nguồn lực, phát huy thế mạnh, động viên toàn thể CBCNV-LĐ, sáng tạo các biện pháp ổn định thị trường nên đã đưa Công ty hoạt động ổn định, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018.

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2018.

**Điều 8:** Thông qua Phương án tăng Vốn điều lệ của Công ty

Đại hội nhất trí thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

**Điều 9:** Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty

Đại hội nhất trí thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và ủy quyền cho HĐQT Công ty sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 4 “Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty” của Điều lệ Công ty đồng thời thực hiện các thủ tục liên quan đến việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 10:** Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động thay đổi kế hoạch SXKD năm 2019 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được chủ động thay đổi kế hoạch SXKD năm 2019 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù

hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

**Điều 11:** Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được ký kết hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam (hoặc những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp) với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

**Điều 12:** Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin năm 2019 biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

- Các cổ đông, thành viên HĐQT Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty, các phòng ban và đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN, VSD,
- TKV,
- Các cổ đông,
- Các thành viên HĐQT, BKS,
- Các phòng TMB,
- Các đơn vị trực thuộc,
- Văn phòng (Đăng trên website),
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Lê Quang Bình**

